Ký bởi HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 07/2021/NQ-HĐND	*Điện Biên, ngày 09 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, tỉnh Điện Biên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 4051/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này áp dụng từ năm ngân sách 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 theo quy định của pháp luật.

2. Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Bãi bỏ khoản 1, Điều 7, Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, tỉnh Điện Biên.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XV, kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- ĐBQH tỉnh; ĐB HĐND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh;
- LĐ và CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT Công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- Báo Điện Biên Phủ;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Lò Văn Phương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, tỉnh Điện Biên

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là cấp huyện); các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã).

2. Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao.

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Các nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách địa phương

1. Đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

2. Ngân sách tỉnh giữ vai trò chủ đạo, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh. Đẩy mạnh phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho ngân sách cấp huyện, nhất là đối với ngân sách cấp xã để tạo quyền chủ động và đề cao vai trò, trách nhiệm của cấp chính quyền cơ sở trong công tác quản lý điều hành ngân sách, sử dụng tài sản, tiền vốn nhà nước.

3. Tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương đảm bảo nguyên tắc tăng cường phân cấp cho cơ sở, gắn với nhiệm vụ và khả năng quản lý của từng cấp; cấp nào quản lý tốt nguồn thu, có hiệu quả thì phân cấp

quản lý thu và điều tiết cho cấp ngân sách đó, hạn chế một đối tượng thu nhiều đơn vị thu quản lý và một khoản thu điều tiết nhiều cấp ngân sách.

4. Đảm bảo phù hợp với các phân cấp nhiệm vụ quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương; Phù hợp với tình hình thực tế, điều kiện, năng lực, trình độ quản lý của từng cấp ngân sách.

Chương II
PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 4. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%

1. Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước Trung ương; Khu vực doanh nghiệp Nhà nước địa phương do Cục Thuế tỉnh quản lý; Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do Cục Thuế tỉnh quản lý bao gồm: Thuế giá trị gia tăng, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

2. Thuế tài nguyên nước được phân chia từ Nhà máy thủy điện Sơn La, Nhà máy thủy điện Lai Châu và công trình khai thác tài nguyên nước là hồ chứa mà phạm vi công trình nằm trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên.

3. Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được phân chia từ Nhà máy thủy điện Sơn La, Nhà máy thủy điện Lai Châu và công trình khai thác tài nguyên nước là hồ chứa mà phạm vi công trình nằm trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên.

4. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản do cơ quan Trung ương thực hiện cấp phép (phần ngân sách địa phương hưởng).

5. Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa sản xuất trong nước (xăng, dầu, mỡ nhờn…).

6. Thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, do cấp tỉnh đầu tư, quản lý.

7. Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; thuế thu nhập cá nhân do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Cục Thuế quản lý thu và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước; các khoản thu nhập cá nhân khác do Cục Thuế quản lý thu.

8. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan, đơn vị nhà nước cấp tỉnh thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập

cấp tỉnh và doanh nghiệp nhà nước địa phương thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật.

9. Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu.

10. Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh quản lý.

11. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan cấp tỉnh quyết định xử phạt, tịch thu.

12. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

13. Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp tỉnh quản lý (phần phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định).

14. Tiền đền bù thiệt hại đất.

15. Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

16. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp tỉnh.

17. Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp tỉnh.

18. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh.

19. Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương.

20. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, xổ số điện toán.

21. Các khoản thu đột biến từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định tại Điểm d Khoản 7 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước 2015.

22. Thu chuyển nguồn của ngân sách tỉnh từ năm trước chuyển sang.

23. Thu kết dư ngân sách tỉnh.

24. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

25. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%

1. Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước địa phương, khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do Chi cục thuế quản lý, bao gồm: Thuế giá trị gia tăng, Thuế

thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

2. Thuế giá trị gia tăng (1%) từ các công trình, hạng mục công trình trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố do doanh nghiệp trong tỉnh (có trụ sở chính khác với địa bàn nơi có công trình xây dựng) thực hiện.

3. Thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên nước ngân sách cấp tỉnh hưởng). Trong đó:

a) Thuế tài nguyên nước phát sinh của Nhà máy thủy điện Long Tạo được phân chia: ngân sách huyện Mường Chà hưởng 80%, ngân sách huyện Tuần Giáo hưởng 20%.

b) Thuế tài nguyên nước phát sinh của Nhà máy thủy điện Nậm Mức được phân chia: ngân sách huyện Mường Chà hưởng 50%, ngân sách huyện Tuần Giáo hưởng 50%.

c) Thuế tài nguyên nước phát sinh của Nhà máy thủy điện Trung Thu phân chia: ngân sách huyện Mường Chà hưởng 70%, ngân sách huyện Tủa Chùa hưởng 30%.

d) Thuế tài nguyên nước phát sinh của Nhà máy thủy điện Huổi Vang phân chia: ngân sách huyện Mường Chà hưởng 90%, ngân sách huyện Điện Biên hưởng 10%.

đ) Thuế tài nguyên nước phát sinh của nhà máy thủy điện và các công trình khai thác tài nguyên nước khác là hồ chứa mà phạm vi công trình nằm trên địa bàn từ 02 huyện, thị xã, thành phố trở lên phát sinh mới trong thời kỳ ổn định được phân chia theo tỷ lệ (%) do Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước (trừ thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước ngân sách cấp tỉnh hưởng). Trong đó:

a) Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước phát sinh của Nhà máy thủy điện Long Tạo được phân chia: ngân sách huyện Mường Chà hưởng 80%, ngân sách huyện Tuần Giáo hưởng 20%.

b) Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước phát sinh của Nhà máy thủy điện Nậm Mức được phân chia: ngân sách huyện Mường Chà hưởng 50%, ngân sách huyện Tuần Giáo hưởng 50%.

c) Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước phát sinh của Nhà máy thủy điện Trung Thu được phân chia: ngân sách huyện Mường Chà hưởng 70%, ngân sách huyện Tủa Chùa hưởng 30%.

d) Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước phát sinh của Nhà máy thủy điện Huổi Vang được phân chia: ngân sách huyện Mường Chà hưởng 90%, ngân sách huyện Điện Biên hưởng 10%.

đ) Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước phát sinh được phân chia cho từng huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở tỷ lệ (%) số tiền nộp thuế tài nguyên

nước của nhà máy thủy điện và các công trình khai thác tài nguyên nước khác là hồ chứa mà phạm vi công trình nằm trên địa bàn từ 02 huyện, thị xã, thành phố trở lên.

5. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản do Tỉnh thực hiện cấp phép.

6. Thu tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp huyện; thuế thu nhập cá nhân do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Chi cục Thuế quản lý thu và các cơ quan, đơn vị cấp huyện thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước; các khoản thu nhập cá nhân khác do Chi cục Thuế quản lý thu.

8. Lệ phí trước bạ (trừ trước bạ nhà, đất).

9. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan, đơn vị nhà nước cấp huyện thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật.

10. Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện thu (trừ lệ phí môn bài thu từ cá nhân hộ sản xuất kinh doanh).

11. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ các tổ chức kinh tế.

12. Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước do cấp huyện quản lý.

13. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước.

14. Thu từ hoạt động kinh doanh của cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh.

15. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan cấp huyện quyết định xử phạt, tịch thu.

16. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

17. Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp huyện quản lý (phần phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định).

18. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp huyện.

19. Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp huyện.

20. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp huyện.

21. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp huyện từ năm trước chuyển sang.

22. Thu kết dư ngân sách cấp huyện.

23. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh.

24. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%

1. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh trên địa bàn xã, thị trấn.

2. Các khoản phí, lệ phí do cấp xã thực hiện thu (trừ lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn phường).

3. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình.

4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

5. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật thuộc thẩm quyền của chính quyền cấp xã.

6. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do cấp xã xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

7. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp xã.

8. Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp xã.

9. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp xã.

10. Thu từ quĩ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.

11. Thu từ các hoạt động sự nghiệp của cấp xã, phần nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

12. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.

13. Thu kết dư ngân sách cấp xã.

14. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện.

15. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp huyện

Thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất do cấp tỉnh đầu tư, quản lý được phân chia theo tỷ lệ:

1. Đối với khoản thu từ đấu giá đất dưới 100 tỷ, thực hiện phân chia ngân sách cấp tỉnh hưởng 80%, ngân sách cấp huyện hưởng 20%.

2. Đối với khoản thu từ đấu giá đất từ 100 tỷ đến dưới 200 tỷ, thực hiện phân chia ngân sách cấp tỉnh hưởng 85%, ngân sách cấp huyện hưởng 15%.

3. Đối với khoản thu từ đấu giá đất từ 200 tỷ trở lên, thực hiện phân chia ngân sách cấp tỉnh hưởng 90%, ngân sách cấp huyện hưởng 10%.

4. Nguồn thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất do cấp tỉnh đầu tư, quản lý được phân chia sau khi đã giảm trừ chi phí hình thành quỹ đất (chi phí giải phóng mặt bằng, đầu tư cơ sở hạ tầng - kỹ thuật, chi phí hợp lý khác), chi phí đấu giá đất theo Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản, chi phí thù lao theo Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định của luật đấu giá tài sản, Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định của luật đấu giá tài sản và trích 10% để thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định.

Điều 8. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp huyện với ngân sách cấp xã

1. Lệ phí trước bạ nhà, đất

a) Thu trên địa bàn xã, thị trấn phân chia ngân sách cấp huyện hưởng 20%, ngân sách cấp xã hưởng 80%.

b) Thu trên địa bàn phường phân chia ngân sách cấp huyện hưởng 80%, ngân sách cấp xã hưởng 20%.

2. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn phường, phân chia ngân sách cấp huyện hưởng 50%, ngân sách cấp xã hưởng 50%.

3. Thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất và không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định do cấp huyện đầu tư, quản lý, trong đó:

a) Thu trên địa bàn các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, phân chia ngân sách cấp huyện hưởng 60%, ngân sách cấp xã hưởng 40%.

b) Thu trên địa bàn các xã chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, phân chia ngân sách cấp huyện hưởng 20%, ngân sách cấp xã hưởng 80%.

c) Thu trên địa bàn phường, thị trấn phân chia ngân sách cấp huyện hưởng 80%, ngân sách cấp xã hưởng 20%.

d) Thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất và không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định do cấp huyện đầu tư, quản lý được phân chia sau khi đã giảm trừ chi phí hình thành quỹ đất (chi phí giải phóng mặt bằng, đầu tư cơ sở hạ tầng - kỹ thuật, chi phí hợp lý khác), chi phí đấu giá đất theo Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, chi phí thù lao theo Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định của luật đấu giá tài sản và trích 10% để thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định.

(Chi tiết tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương theo Phụ biểu số 01 đính kèm)

Chương III

PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

a) Chi đầu tư xây dựng các dự án cho các lĩnh vực được quy định tại Khoản 2 Điều này từ nguồn vốn đầu tư phát triển, nguồn thu tiền sử dụng đất cân đối trong ngân sách địa phương do ngân sách tỉnh quản lý (trừ đầu tư kinh phí đối ứng cho các chương trình, dự án thực hiện cấp phát thanh toán theo cơ chế của nguồn vốn ODA).

b) Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của tỉnh theo quy định của pháp luật (đã bao gồm chi cấp, bổ sung vốn cho Quỹ phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp tỉnh hưởng).

c) Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết, xổ số điện toán các công trình, dự án do tỉnh quản lý.

d) Phần chi đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu khác do cấp tỉnh quản lý (theo quy định của Trung ương đối với từng nguồn vốn).

đ) Chi từ nguồn huy động đóng góp theo quy định của pháp luật, nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách tỉnh để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

e) Các khoản chi đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được phân cấp trực tiếp quản lý các lĩnh vực:

a) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách tỉnh đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

b) Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, gồm giáo dục trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên và các hoạt động giáo dục khác; Đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề nghiệp, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác.

c) Nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác.

d) Sự nghiệp y tế, bao gồm: Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác, dân số và kế hoạch hóa gia đình; chi phụ cấp hoạt động cho nhân viên y tế thôn, bản, cô đỡ thôn, bản; kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng được hưởng chính sách trên địa bàn tỉnh.

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin, bao gồm bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật, báo chí xuất bản, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại, ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn an ninh thông tin, chuyển đổi số, vận hành hạ tầng và các nền tảng bưu chính viễn thông và hoạt động văn hóa thông tin khác.

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác.

g) Sự nghiệp thể dục thể thao, bao gồm bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác.

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường.

i) Các hoạt động kinh tế

- Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường tỉnh lộ.

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, kênh mương, công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn; các trạm trại nông lâm nghiệp; công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; chi hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thuỷ lợi theo chính sách quy định của nhà nước; chi thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa.

- Sự nghiệp tài nguyên: Điều tra cơ bản; đo đạc địa giới hành chính; đo vẽ bản đồ; đo đạc, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác.

- Sử dụng tối thiểu 10% số thu tiền sử dụng đất theo quy định để thực hiện Quyết định số 32/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ, ban quản lý rừng và tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng; kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2011 và Quyết định số 191/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ; kinh phí hoàn chỉnh việc đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cho các huyện biên giới theo Quyết định Thủ tướng Chính phủ (ngoài phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương - nếu có) do cấp tỉnh quản lý.

- Các nhiệm vụ, dự án quy hoạch do cấp tỉnh thực hiện.

- Lĩnh vực thương mại, du lịch.

- Các sự nghiệp kinh tế khác.

k) Chi đảm bảo xã hội, bao gồm các trung tâm bảo trợ xã hội, cứu tế xã hội, phòng chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do tỉnh quản lý;

l) Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;

m) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của Chính phủ;

n) Phần chi thường xuyên trong các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác do cấp tỉnh thực hiện;

o) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi dự phòng ngân sách cấp tỉnh.

4. Chi trả nợ lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh vay.

5. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương.

6. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

7. Chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện.

Điều 10. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện

1. Chi đầu tư phát triển

a) Chi từ nguồn vốn đầu tư phát triển trong cân đối ngân sách địa phương do ngân sách cấp huyện quản lý theo phân cấp quy định tại Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, tỉnh Điện Biên; đầu tư kinh phí đối ứng cho các chương trình, dự án thực hiện cấp phát thanh toán theo cơ chế của nguồn vốn ODA.

b) Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất theo phân cấp. Trong đó chi từ nguồn thu từ các Dự án thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất do cấp tỉnh đầu tư, quản lý được phân cấp về cấp huyện phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương, định hướng sử dụng trước khi phân bổ.

c) Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết, kể cả thu từ xổ số điện toán các công trình do huyện quản lý.

d) Chi đền bù giải phóng mặt bằng các phương án đền bù theo phân cấp quản lý.

đ) Phần chi đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu khác do cấp huyện quản lý (theo quy định của Trung ương đối với từng nguồn vốn).

e) Chi từ nguồn huy động đóng góp theo quy định của pháp luật, nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách huyện để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

g) Các khoản chi đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị cấp huyện được phân cấp trực tiếp quản lý các lĩnh vực:

a) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách huyện đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước ngày 22 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

b) Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, gồm giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, giáo dục thường xuyên và các hoạt động giáo dục khác; Đào tạo nghề nghiệp, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác đối với cán bộ, công chức, viên chức huyện quản lý; đào tạo bồi dưỡng cán bộ cơ sở.

c) Ứng dụng khoa học và công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác (không bao gồm chi nghiên cứu khoa học và công nghệ).

d) Sự nghiệp y tế, bao gồm: Bảo vệ chăm sóc sức khỏe đối với các cán bộ, đối tượng chính sách do huyện quản lý (theo chính sách quy định của tỉnh), hoạt động phòng chống dịch, bệnh và các hoạt động y tế khác theo phân cấp.

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin, bao gồm: bảo tồn, thư viện, thông tin cơ sở, ứng dụng công nghệ thông tin và các hoạt động văn hóa thông tin khác.

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác.

g) Sự nghiệp thể dục thể thao, bao gồm bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp huyện; các giải thi đấu cấp huyện; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác.

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường.

i) Các hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống đường giao thông huyện lộ, đường nội thị, đường giao thông nông thôn và các công trình giao thông khác theo quyết định phân cấp; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường.

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, kênh mương, công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn; công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; chi hỗ trợ nông nghiệp theo chính sách hỗ trợ của tỉnh; chi hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thuỷ lợi theo chính sách quy định của nhà nước, chi thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa.

- Sự nghiệp kiến thiết thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, công viên và các sự nghiệp kiến thiết thị chính khác.

- Sử dụng tối thiểu 10% số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (gồm cả cấp huyện và cấp xã hưởng) theo quy định để thực hiện Quyết định số 32/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ, ban quản lý rừng và tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng; kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2011 và Quyết định số 191/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ; kinh phí hoàn chỉnh việc đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cho các huyện biên giới theo Quyết định Thủ tướng Chính phủ (ngoài phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương - nếu có) do cấp huyện quản lý.

- Các hoạt động sự nghiệp tài nguyên do cấp huyện quản lý.

- Các nhiệm vụ, dự án quy hoạch do cấp huyện thực hiện.

- Lĩnh vực thương mại, du lịch.

- Các sự nghiệp kinh tế khác.

k) Chi đảm bảo xã hội, bao gồm cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do huyện quản lý.

l) Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, Hội Cựu chiến binh huyện, Hội Liên hiệp phụ nữ huyện, Hội Nông dân huyện, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

m) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của Chính phủ.

n) Phần chi thường xuyên trong các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác do cấp huyện thực hiện.

o) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi dự phòng ngân sách cấp huyện.

4. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp huyện.

5. Chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

Điều 11. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển

a) Chi các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu được phân cấp cho xã (theo quy định của Trung ương đối với từng nguồn vốn và quyết định phân cấp đầu tư của tỉnh).

b) Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất theo phân cấp. Trong đó chi từ nguồn thu từ các Dự án thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất và không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất do cấp huyện đầu tư, quản lý được phân cấp về cấp xã phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về chủ trương, định hướng sử dụng trước khi phân bổ.

c) Chi từ nguồn huy động đóng góp theo quy định của pháp luật, nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp xã để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

d) Các khoản chi đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

đ) Trong trường hợp ngân sách cấp xã có nguồn thu được hưởng theo phân cấp lớn hơn nhiệm vụ chi thường xuyên được phân cấp thêm nhiệm vụ: Chi đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, duy tu sửa chữa các công trình phúc lợi xã hội do cấp xã quản lý.

2. Chi thường xuyên:

a) Các nhiệm vụ về quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội do cấp xã đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn.

b) Chi hoạt động sự nghiệp y tế, giáo dục, xã hội, văn hóa thông tin, truyền thanh, thể dục thể thao, môi trường do cấp xã quản lý.

c) Chi đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã.

d) Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định; chi thăm hỏi các gia đình chính sách, cứu tế xã hội, cứu đói và công tác xã hội khác; Thực hiện chính sách xã hội cho các đối tượng do cấp xã quản lý.

đ) Chi sự nghiệp môi trường theo phân cấp.

e) Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước, Đảng, tổ chức chính trị xã hội cấp xã; chế độ đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, bản, tổ dân phố (không bao gồm chi phụ cấp hoạt động không chuyên trách cho nhân viên y tế thôn, bản; cô đỡ thôn, bản); chế độ cho thôn đội trưởng, dân quân tự vệ, công an xã bán chuyên trách và bảo vệ tổ dân phố.

g) Các khoản chi thường xuyên khác ở cấp xã theo quy định của pháp luật.

3. Chi dự phòng ngân sách cấp xã.

4. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã./.

Phụ biểu số 01

TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH NĂM 2022 VÀ THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH 2022 - 2025, TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Điện Biên)

STT	Nội dung các khoản thu	Trong đó		
		Ngân sách cấp tỉnh (%)	Ngân sách cấp huyện (%)	Ngân sách cấp xã (%)
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương			
	- Thuế giá trị gia tăng	100		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	100		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	100		
	- Thu khác	100		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương			
a	Do Cục thuế tỉnh quản lý			
	- Thuế giá trị gia tăng	100		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	100		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	100		
	- Thu khác	100		
b	Do Chi cục thuế quản lý			
	- Thuế giá trị gia tăng		100	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp		100	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		100	
	- Thu khác		100	
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			
	- Thuế giá trị gia tăng	100		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	100		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	100		
	- Thu khác	100		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh			
a	Do Cục thuế tỉnh quản lý			
	- Thuế giá trị gia tăng	100		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	100		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	100		

STT	Nội dung các khoản thu	Trong đó		
		Ngân sách cấp tỉnh (%)	Ngân sách cấp huyện (%)	Ngân sách cấp xã (%)
	- Thu khác	100		
b	Do Chi cục thuế quản lý			
	- Thuế giá trị gia tăng		100	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp		100	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		100	
	- Thu khác		100	
5	Thuế giá trị gia tăng (1%) từ các công trình, hạng mục công trình trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố do doanh nghiệp trong tỉnh (có trụ sở chính khác với địa bàn nơi có công trình xây dựng) thực hiện.		100	
6	Thuế tài nguyên			
a	Thuế tài nguyên nước			
	- Thu từ từ Nhà máy thủy điện Sơn La, Nhà máy thủy điện Lai Châu và công trình khai thác tài nguyên nước là hồ chứa mà phạm vi công trình nằm trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên.	100		
	- Thuế tài nguyên nước (trừ thuế tài nguyên nước ngân sách cấp tỉnh hưởng). Trong đó:		100	
	+ Thu từ Nhà máy thuỷ điện Long Tạo		100	
	++) Huyện Mường Chà		80	
	++) Huyện Tuần Giáo		20	
	+ Thu từ Nhà máy thuỷ điện Nậm Mức		100	
	++) Huyện Mường Chà		50	
	++) Huyện Tuần Giáo		50	
	+ Thu từ Nhà máy thuỷ điện Trung Thu		100	
	++) Huyện Mường Chà		70	
	++) Huyện Tủa Chùa		30	
	+ Thu từ Nhà máy thuỷ điện Huổi Vang		100	
	++) Huyện Mường Chà		90	
	++) Huyện Điện Biên		10	
b	Thuế tài nguyên khác (Bao gồm cả hoạt động khai thác khoáng sản)		100	
7	Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước			

STT	Nội dung các khoản thu	Trong đó		
		Ngân sách cấp tỉnh (%)	Ngân sách cấp huyện (%)	Ngân sách cấp xã (%)
a	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được phân chia từ Nhà máy thủy điện Sơn La, Nhà máy thủy điện Lai Châu và công trình khai thác tài nguyên nước là hồ chứa mà phạm vi công trình nằm trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên.	100		
b	Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước (trừ thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước ngân sách cấp tỉnh hưởng). Trong đó		100	
	- Thu từ Nhà máy thuỷ điện Long Tạo		100	
	+ Huyện Mường Chà		80	
	+ Huyện Tuần Giáo		20	
	- Thu từ Nhà máy thuỷ điện Nậm Mức		100	
	+ Huyện Mường Chà		50	
	+ Huyện Tuần Giáo		50	
	- Thu từ Nhà máy thuỷ điện Trung Thu		100	
	+ Huyện Mường Chà		70	
	+ Huyện Tủa Chùa		30	
	- Thu từ Nhà máy thuỷ điện Huổi Vang		100	
	+ Huyện Mường Chà		90	
	+ Huyện Điện Biên		10	
8	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản			
	- Do cơ quan Trung ương thực hiện cấp phép (phần ngân sách địa phương hưởng)	100		
	- Do Tỉnh thực hiện cấp phép		100	
9	Thuế Bảo vệ môi trường thu từ hàng hoá sản xuất trong nước (xăng, dầu, mỡ…)	100		
10	Thu tiền sử dụng đất			
a	Thu tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.		100	
b	Thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất			
	- Thu từ các Dự án không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất do cấp Tỉnh đầu tư, quản lý	100		
	- Thu từ các Dự án thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất do cấp Tỉnh đầu tư, quản lý			
	+ Thu từ đấu giá đất dưới 100 tỷ	80	20	

STT	Nội dung các khoản thu	Trong đó		
		Ngân sách cấp tỉnh (%)	Ngân sách cấp huyện (%)	Ngân sách cấp xã (%)
	+ Thu từ đấu giá đất từ 100 tỷ đến dưới 200 tỷ	85	15	
	+ Thu từ đấu giá đất từ 200 tỷ trở lên	90	10	
	- Thu từ các Dự án thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất và không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất do cấp huyện đầu tư, quản lý			
	+ Trên địa bàn xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới		60	40
	+ Trên địa bàn xã chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới		20	80
	+ Trên địa bàn các phường, thị trấn		80	20
11	Thuế thu nhập cá nhân			
a	Từ tiền lương, tiền công của người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; thuế thu nhập cá nhân do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Cục Thuế quản lý thu và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước; các khoản thu nhập cá nhân khác do Cục Thuế quản lý thu.	100		
b	Từ tiền lương, tiền công của người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp huyện, thị xã, thành phố; thuế thu nhập cá nhân do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Chi cục Thuế quản lý thu và các cơ quan, đơn vị cấp huyện thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước; các khoản thu nhập cá nhân khác do Chi cục Thuế quản lý thu.		100	
12	Lệ phí trước bạ (Trừ trước bạ nhà, đất)		100	
13	Lệ phí trước bạ nhà đất			
	- Trên địa bàn xã, thị trấn		20	80
	- Trên địa bàn phường		80	20
14	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			
	- Trên địa bàn xã, thị trấn			100
	- Trên địa bàn phường		50	50
15	Thu phí, lệ phí (Trừ lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh)			
	- Do cơ quan nhà nước cấp Tỉnh thực hiện	100		
	- Do cơ quan nhà nước cấp Huyện thực hiện		100	

STT	Nội dung các khoản thu	Trong đó		
		Ngân sách cấp tỉnh (%)	Ngân sách cấp huyện (%)	Ngân sách cấp xã (%)
	- Do cấp Xã thực hiện (Trừ lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh trên địa bàn phường)			100
16	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			
	- Thu từ tổ chức kinh tế		100	
	- Thu từ hộ gia đình			100
17	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100
18	Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước			
	- Do cấp tỉnh quản lý	100		
	- Do cấp huyện quản lý		100	
19	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		100	
20	Thu từ hoạt động kinh doanh của cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh		100	
21	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật			
	- Do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định xử phạt, tịch thu	100		
	- Do các cơ quan nhà nước cấp huyện quyết định xử phạt, tịch thu		100	
	- Do cấp xã quyết định xử phạt, tịch thu			100
22	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;			
	- Do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý	100		
	- Do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện xử lý		100	
	- Do cấp xã xử lý			100
23	Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác (phần phải nộp NSNN theo quy định)			
	- Thuộc cấp tỉnh quản lý	100		
	- Thuộc cấp huyện quản lý		100	
24	Tiền đền bù thiệt hại đất	100		
25	Tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa	100		

STT	Nội dung các khoản thu	Trong đó		
		Ngân sách cấp tỉnh (%)	Ngân sách cấp huyện (%)	Ngân sách cấp xã (%)
26	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài			
	- Cho ngân sách cấp tỉnh	100		
	- Cho ngân sách cấp huyện		100	
	- Cho ngân sách cấp xã			100
27	Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật			
	- Cho ngân sách cấp tỉnh	100		
	- Cho ngân sách cấp huyện		100	
	- Cho ngân sách cấp xã			100
28	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước			
	- Cho ngân sách cấp tỉnh	100		
	- Cho ngân sách cấp huyện		100	
	- Cho ngân sách cấp xã			100
29	Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;	100		
30	Thu từ quĩ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			100
31	Thu từ các hoạt động sự nghiệp của cấp xã, phần nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định			100
32	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, xổ số điện toán	100		
33	Các khoản thu đột biến từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định tại Điểm d Khoản 7 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước 2015	100		
34	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			
	- Ngân sách cấp tỉnh	100		
	- Ngân sách cấp huyện		100	
	- Ngân sách cấp xã			100
35	Thu kết dư ngân sách			
	- Ngân sách cấp tỉnh (sau khi đã trích nộp quỹ dự trữ tài chính theo quy định)	100		
	- Ngân sách cấp huyện		100	
	- Ngân sách cấp xã			100

STT	Nội dung các khoản thu	Trong đó		
		Ngân sách cấp tỉnh (%)	Ngân sách cấp huyện (%)	Ngân sách cấp xã (%)
36	Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên			
	- Ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh	100		
	- Ngân sách Tỉnh bổ sung cho ngân sách cấp huyện		100	
	- Ngân sách Huyện bổ sung cho ngân sách cấp xã			100
37	Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.			
	- Cấp tỉnh thu	100		
	- Cấp huyện thu		100	
	- Cấp xã thu			100